TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH HƯNG YÊN** ---------- Số: 67/2023/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------- K, ngày 28 tháng 04 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 87/2023/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 04 năm 2023, giữa:

*/ **Nguyên đơn**: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1996.
Sinh trú quán và KHTT: Thị tứ P, xã P1, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
*/ **Bị đơn**: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 2000.
Sinh trú quán: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
Đăng kí HKTT: Thị tứ P, xã P1, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

***/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**
- Cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 14/11/2019.
Đăng kí HKTT: Thị tứ P, xã P1, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
Giám hộ cho cháu T1 là anh Nguyễn Văn T – Bố đẻ của cháu T1.
Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 – Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014; Khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản ly và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 04 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 04 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ **Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa**: anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị H.

2/ **Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

***/ Về quan hệ vợ chồng**:* anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị H đều nhất trí thuận tình ly hôn nhau.

/ Về con chung:

+ Giao cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 14/11/2019, cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi.

Việc đóng góp nuôi con chung, không yêu cầu đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị H được quyền thăm nom, chăm sóc và quyền xinh thay đổi việc nuôi con chung (cháu T1) theo quy định của pháp luật.

/ Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác đất nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình của anh T và chị H: không đặt ra xem xét giải quyết.

/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn T tự nguyện nhận nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu số 0008198, ngày 03/04/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, nên hoàn trả lại anh Nguyễn Văn T số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phú thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh hưng Yên;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện KC;
- UBND xã P1;
- Đương sự, Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

PHẠM THẾ P2